

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Ủy ban nhân dân (UBND) Tỉnh đã cụ thể hóa các nhiệm vụ CCHC trong Kế hoạch CCHC giai đoạn 2011- 2020, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2011 - 2015 và Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 của Tỉnh. Hằng năm, UBND Tỉnh tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn đến các ngành, các cấp về nội dung của 06 nhiệm vụ CCHC; mục tiêu, tiêu chí của CCHC trong từng năm, đồng thời, thông tin, tuyên truyền đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) nhà nước, Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể và Nhân dân những nội dung cơ bản, chủ yếu Chương trình tổng thể và các Kế hoạch thực hiện của Tỉnh trong từng thời điểm. Ngoài ra, UBND Tỉnh còn kịp thời phổ biến, quán triệt các Nghị quyết, văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy về chỉ đạo, lãnh đạo công tác CCHC.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011 - 2020, hằng năm, Chủ tịch UBND Tỉnh đều ban hành Kế hoạch CCHC, Kế hoạch Kiểm tra CCHC, tuyên truyền CCHC với những việc làm cụ thể, có sự phân công các cơ quan thực hiện, cơ quan phối hợp rõ ràng, không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ. Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch khảo sát trực tuyến mức độ hài lòng đối với tổ chức, công dân đối với dịch vụ hành chính công và công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động công vụ với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện và phục vụ Nhân dân giai đoạn 2014 - 2015; Kế hoạch về việc thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020; Đề án Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền CCHC nhà nước đến năm 2020; Quyết định ban hành Chỉ số đánh giá CCHC đối với các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đồng Tháp. Trong các kỳ họp thường kỳ của UBND Tỉnh đều thông qua tình hình,

kết quả thực hiện CCHC trong tháng và báo cáo Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) Tỉnh.

UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC, góp phần nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương, kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các ngành, các cấp như: Chỉ đạo các ngành, các cấp cải thiện thực hiện tốt các Chỉ số: CCHC (PAR Index), năng lực cạnh tranh (PCI), quản trị hành chính công (PAPI), sẵn sàng và phát triển UDCNTT (ICT), sự hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính (SIPAS) của Tỉnh; chỉ đạo về việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC); chỉ đạo thực hiện tốt việc hướng dẫn TTHC đối với người dân, doanh nghiệp, hạn chế việc người dân phải đi lại nhiều lần, khắc phục tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn và triển khai các biện pháp ngăn ngừa cũng như xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực trong giải quyết hồ sơ, TTHC của người dân, doanh nghiệp; tăng cường thực hiện công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh; chấn chỉnh tình trạng áp dụng cứng nhắc, máy móc các quy định về TTHC; triển khai thực hiện Mô hình Hẹn giờ hướng dẫn thực hiện TTHC tại nhà theo yêu cầu của người dân...

Hướng đến xây dựng chính quyền thân thiện, phát huy hiệu quả mô hình “Cà phê doanh nhân - doanh nghiệp”; “Chính quyền cơ sở tiếp xúc, đối thoại với tổ chức, công dân”, Tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tiếp nhận trực tiếp qua địa chỉ gmail hoặc số điện thoại của Chủ tịch UBND Tỉnh đối với các đề xuất, kiến nghị của các Doanh nhân - Doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Đồng Tháp.

Nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, UBND Tỉnh chỉ đạo CBCCVN chấp hành nghiêm giờ làm việc hành chính; thực hiện nghiêm việc không được uống rượu, bia trong giờ hành chính và buổi trưa các ngày làm việc, ngày trực; thực hiện kiểm tra, sát hạch các chức danh công chức cấp xã (trừ Trưởng công an, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự). Đồng thời, chỉ đạo các ngành, các đơn vị, địa phương xây dựng chính quyền kiến tạo, năng động, gần gũi, phục vụ người dân, đồng hành cùng doanh nghiệp để phát triển kinh tế - xã hội...

Hàng năm, UBND Tỉnh tổ chức Hội nghị công bố kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS của các sở, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố và triển khai công tác CCHC ngay từ đầu năm. Năm 2019 triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở và địa phương (DDCI), từ đó đã tạo những chuyển biến tích cực trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, địa phương thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, luôn đặt mục tiêu hướng đến xây dựng nền hành chính phục vụ, mang đến sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp. Qua các chỉ số, Lãnh đạo các cơ quan, địa phương thấy được những điểm mạnh để phát huy và những hạn chế để khắc phục, giúp cho công tác lãnh đạo, quản lý của Thủ trưởng các cơ quan, địa phương ngày càng sâu sát các nhiệm vụ CCHC và chất lượng CCHC ngày càng thực chất.

Việc khen thưởng gắn với kết quả thực hiện CCHC đúng người, đúng việc khích lệ cá nhân, cơ quan, địa phương thi đua, cố gắng phấn đấu thực hiện tốt công tác CCHC cũng được Tỉnh quan tâm thực hiện trong những năm qua. Hằng năm, tại Hội nghị công bố Chỉ số CCHC, Chủ tịch UBND Tỉnh tặng Cờ thi đua cho 02 đơn vị dẫn đầu trong công tác CCHC, tặng Bằng khen tập thể cho các cơ quan, địa phương xếp hạng thứ 2, thứ 3 và tặng Bằng khen cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tham mưu thực hiện CCHC đối với các cơ quan, địa phương có Chỉ số CCHC đạt từ 80% trở lên.

Qua những chỉ đạo sâu sát, phù hợp tình hình thực tiễn đã nâng cao nhận thức của lãnh đạo các ngành, các cấp và CBCCVC thừa hành tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của đội ngũ CBCCVC, góp phần tạo nên kết quả khả quan trong thực hiện những nhiệm vụ CCHC.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Cùng với việc ban hành Kế hoạch CCHC, UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC với những nội dung kiểm tra xoay quanh các nhiệm vụ của CCHC. Căn cứ vào Kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan¹ tiến hành kiểm tra công tác thực hiện CCHC tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh². Qua kết quả kiểm tra, Chủ tịch UBND Tỉnh đều có văn bản chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại đã được phát hiện, đồng thời, yêu cầu các sở, ngành tỉnh thực hiện kiểm tra đối với việc giải quyết các TTHC thuộc phạm vi quản lý tại các địa phương. Các cơ quan, địa phương được kiểm tra đều có văn bản báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra gửi về Sở Nội vụ tổng hợp; ngoài ra, còn tổ chức kiểm tra đột xuất khi có phản ánh, kiến nghị của người dân hoặc khi cần thiết.

Công tác kiểm tra CCHC được thực hiện thường xuyên trong năm đã giúp cho việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC hoàn thành đúng tiến độ, các cơ quan, đơn vị kịp thời phát hiện hạn chế, khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao tinh thần, thái độ làm việc, phục vụ Nhân dân của đội ngũ CBCCVC từ cấp tỉnh đến cấp xã.

3. Thông tin, tuyên truyền

Trên cơ sở Đề án tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC của Tỉnh giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020, các nhiệm vụ tuyên truyền mỗi năm được xác định cụ thể trong các Kế hoạch CCHC hàng năm của Tỉnh. Hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú về nội dung như: Chuyên mục CCHC trên sóng phát thanh, truyền hình được duy trì đều đặn 02 kỳ/tháng, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp phối hợp với Sở Nội vụ đã thực hiện các chuyên mục với nội dung phản ánh những gương điển hình để nhân rộng và chỉ ra những hạn chế, tồn tại để khắc phục...; Chuyên trang CCHC của Báo Đồng Tháp mỗi tháng 01 kỳ đăng tải các tin tức, bài viết về hoạt động CCHC. Cổng Thông tin

¹ Văn phòng UBND Tỉnh, các Sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Xây dựng, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp, Báo Đồng Tháp.

²cấp tỉnh: 08/19, UBND cấp huyện: 12/12. Tại mỗi huyện, thị xã, thành phố Đoàn kiểm tra chọn ngẫu nhiên 02 đơn vị hành chính cấp xã để tiến hành kiểm tra.

điện tử của Tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ, Trang thông tin điện tử CCHC của Tỉnh, Trang thông tin trên ứng dụng Zalo và Trang thông tin điện tử của các ngành tỉnh, huyện thường xuyên cập nhật thông tin, bài viết về CCHC. Tỉnh thực hiện các video tuyên truyền về Đề án chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công; sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, cũng như tuyên truyền các kênh thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC giúp người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận thông tin về CCHC chính xác, nhanh chóng.

Ngoài ra, Sở Nội vụ còn thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: tổ chức Ngày hội tư vấn TTHC; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch in các áp phích, các bảng panô, viết các tiểu phẩm tuyên truyền về CCHC, xây dựng sổ tay nghiệp vụ... Đặc biệt, hằng năm, Tỉnh tổ chức Hội thi tìm hiểu CCHC cấp huyện, cấp tỉnh. Trong năm 2019, tổ chức Hội thi tìm hiểu UDCNTT (UDCNTT) trong CCHC, với sự tham gia của 4.236 CBCCVV đến từ các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tại mỗi huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đều có tổ chức hội thi tìm hiểu CCHC mỗi năm. Từ đó, giúp tuyên truyền CCHC đến đội ngũ CBCCVV, nâng cao nhận thức và hiểu rõ hơn về CCHC, kỹ năng sử dụng các phần mềm phục vụ công việc chuyên môn.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

Trong 10 năm qua, UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh đã rất quan tâm chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC, kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm đẩy mạnh CCHC, cải cách TTHC, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong tổ chức thực hiện. Đặc biệt, chỉ đạo thực hiện nhiều mô hình, cách làm mới trong xây dựng chính quyền thân thiện, có tính đột phá, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của đội ngũ CBCCVV và thu hút sự quan tâm, đồng tình, ủng hộ của Nhân dân, mang lại nhiều kết quả khả quan.

Những Chương trình, Kế hoạch, Đề án, Chỉ thị về CCHC do Trung ương ban hành Tỉnh đều khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra kết quả và có văn bản chỉ đạo khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện một số nhiệm vụ CCHC của Tỉnh vẫn chưa đạt được như mong muốn. Sự chỉ đạo, điều hành của một số người đứng đầu các ngành, các cấp đôi khi còn chưa kịp thời, thiếu sâu sát; còn trông chờ hướng dẫn của cấp trên, chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền; phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các ngành còn thiếu sự nhịp nhàng, đồng bộ; một số CBCCVV chưa thật sự bám sát các chỉ đạo, chưa hiểu rõ các vấn đề trong thực hiện nhiệm vụ CCHC để tham mưu thực hiện kịp thời và hiệu quả.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Hiến pháp năm 2013.

Ngay từ khi Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội thông qua, trên toàn địa bàn tỉnh Đồng Tháp tiến hành hoạt động rà soát, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và đạt được những kết quả tích cực³. Trong đó ở cả 02 cấp, qua rà soát chưa có văn bản nào cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và chưa phát hiện VBQPPL nào có nội dung quy định trái với Hiến pháp năm 2013 cần phải dừng thi hành.

Tất cả các VBQPPL được ban hành trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp luôn bám sát và tuân thủ theo quy định cấp trên, nhất là phải đảm bảo tính hợp hiến khi ban hành.

b) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, trong đó, tập trung các nội dung:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật.

+ Hoạt động xây dựng và ban hành VBQPPL của Tỉnh ngày càng được chú trọng, đề cao. Cụ thể, ngày 14 tháng 02 năm 2012, UBND Tỉnh đã ban hành Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành rà soát, hệ thống hóa và kiểm tra, xử lý VBQPPL. Ngày 22 tháng 7 năm 2014, UBND Tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành, rà soát, hệ thống hóa và kiểm tra, xử lý VBQPPL;

+ Chất lượng ban hành VBQPPL các cấp ngày càng được nâng cao, tuân thủ đúng quy trình xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL từ giai đoạn dự thảo văn bản đến lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân nhất là lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản sau khi ban hành; tất cả các VBQPPL đều được thẩm định trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành để tránh chồng chéo, trùng lặp nội dung với VBQPPL của Trung ương và các văn bản đã ban hành trước đó.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

+ Thực hiện Luật Ban hành VBQPPL của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004 và hiện nay là áp dụng theo Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 22 tháng 6 năm 2015, trong hơn 09 năm qua tổng số VBQPPL được ban hành: cấp tỉnh là 752 văn bản, cấp huyện là 1.391 văn bản, cấp xã là 5.476 văn bản;

+ Số lượng VBQPPL do cấp huyện và cấp xã ban hành ngày càng giảm nhiều về số lượng chỉ ban hành văn bản trong trường hợp được Luật giao quy định để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương;

³Tổng số VBQPPL thuộc trách nhiệm rà soát của các sở, ban, ngành tỉnh là 626 văn bản; tổng số VBQPPL thuộc trách nhiệm rà soát của UBND cấp huyện là 1.356 văn bản.

+ Các VBQPPL được ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi khi áp dụng phù hợp với chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 theo quy định⁴;

+ Nội dung các VBQPPL đã cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương;

+ Hệ thống VBQPPL thuộc thẩm quyền của địa phương ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, thu hút lao động, giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách bảo đảm thực hiện có hiệu quả.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật

+ Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành các VBQPPL tại địa phương cơ bản được kịp thời và đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ với văn bản cấp trên, khả thi cao trong áp dụng;

+ Công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật được tiến hành thường xuyên, tạo được ý thức tuân thủ, chấp hành, thực hiện pháp luật một cách chủ động và nghiêm túc; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền, tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền đã áp dụng pháp luật trong từng trường hợp cụ thể theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định;

+ Hàng năm, UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật và thành lập Đoàn kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật tại các cơ quan, đơn vị, cũng như hướng dẫn xây dựng phiếu điều tra, khảo sát sự hài lòng của người dân⁵.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

+ Công tác rà soát VBQPPL trên địa bàn Tỉnh được thực hiện đồng bộ, bám sát chương trình, kế hoạch đã đề ra;

+ Thực hiện rà soát định kỳ hằng năm và rà soát thường xuyên ngay khi có căn cứ rà soát được triển khai đồng bộ và thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh, trung bình mỗi năm rà soát định kỳ từ 60 đến 80 văn bản. Hệ thống hoá văn bản được thực hiện định kỳ 05 năm/lần⁶;

+ Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL được thực hiện kịp thời, chủ động tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung VBQPPL cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật mới ban hành; hệ thống các VBQPPL còn hiệu lực và phổ biến rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, CBCCVN nhà nước và Nhân dân.

⁴Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị, đáp ứng cơ bản các yêu cầu về cải cách thể chế theo tinh thần của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

⁵Trung bình mỗi năm kiểm tra từ 20 đến 30 cơ quan đơn vị. Qua kiểm tra cơ bản các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung về theo dõi thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

⁶Từ năm 2011 đến nay đã thực hiện hệ thống hóa 02 lần trên phạm vi toàn tỉnh. Tổng số VBQPPL được hệ thống hóa là 5.032 văn bản, trong đó cấp tỉnh là 1.236 văn bản, cấp huyện là 1.876 văn bản, cấp xã là 1.920 văn bản;

- Công tác kiểm tra VBQPPL

+ Hằng năm, UBND Tỉnh ban hành kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra công tác xây dựng và ban hành VBQPPL để kiểm tra ở tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Số văn bản được kiểm tra hàng năm từ 120 đến 150 văn bản. Qua kết quả kiểm tra cho thấy số lượng VBQPPL ban hành của HĐND, UBND cấp huyện, xã ban hành giảm rõ rệt, chỉ ban hành các VBQPPL trong trường hợp được luật giao, nội dung các VBQPPL đã khắc phục được những tồn tại hạn chế, thiếu sót, so với trước khi Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 có hiệu lực thi hành;

+ Từ năm 2011 đến nay, UBND Tỉnh thực hiện tự kiểm tra 419 VBQPPL. Qua kết quả kiểm tra cho thấy các VBQPPL của HĐND, UBND Tỉnh ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015; phần lớn nội dung các VBQPPL đã cụ thể hóa được các chủ trương, chính sách của VBQPPL cấp trên, đáp ứng được yêu quản lý Nhà nước tại địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn sai sót chủ yếu về thể thức và kỹ thuật trình bày chưa phù hợp với quy định⁷;

+ Thông qua kết quả kiểm tra, UBND Tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh các sai sót, khắc phục các hạn chế như: về quy trình ban hành VBQPPL, lấy ý kiến đến các đối tượng chịu sự tác động của chính sách sắp ban hành... Từ đó, công tác xây dựng và ban hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh từng bước đi vào nề nếp, chất lượng, hạn chế các VBQPPL có hình thức, nội dung trái pháp luật quy định, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

c) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh

- Tác động của các thể chế trên đến các mặt của đời sống xã hội: Các VBQPPL được ban hành đều được triển khai rộng rãi từ cấp tỉnh đến cơ sở; thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch, đăng trên trang thông tin điện tử của Tỉnh. Các VBQPPL được ban hành đã tạo hành lang pháp lý ổn định và vững chắc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng như ban hành các chính sách, biện pháp nhằm tăng cường thúc đẩy thu hút các doanh nghiệp đầu tư tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp, để góp phần phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được các cấp, các ngành tích cực triển khai và xác định đây là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng từ tỉnh đến cơ sở;

+ Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp trong Tỉnh tập trung phổ biến sâu rộng, có hệ thống chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong đó, chú trọng triển khai các văn bản luật được Quốc hội

⁷Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL;

thông qua từng kỳ họp, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương, những văn bản có liên quan mật thiết đến đời sống của Nhân dân và nhiệm vụ của CBCCVV với nhiều hình thức phong phú, thiết thực. Ngoài ra, việc UDCNTT trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật là một bước phát triển vượt bậc khi sử dụng trang thông tin điện tử để tuyên truyền pháp luật đến với người dân; đặc biệt quan tâm việc chọn đối tượng đặc thù để tuyên truyền (*tuyên truyền được 6.238 cuộc cho 1.227.976 lượt phạm nhân đang chấp hành án và sắp mãn hạn tù*);

+ Quan tâm tuyên truyền về Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến người dân, doanh nghiệp⁸;

+ Các VBQPPL do địa phương ban hành được đăng công báo, đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, các văn bản triển khai, phổ biến kịp thời các VBQPPL để CBCCVV và Nhân dân biết, thực hiện đúng pháp luật.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh: Qua các cuộc thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý thì công tác xử lý vi phạm pháp luật được thực hiện theo quy định và trong xử lý vi phạm đã kết hợp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật với cảm hoá, giáo dục, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ và Nhân dân, vi phạm tập trung vào một số lĩnh vực như giao thông đường bộ, đường thuỷ nội địa, đất đai, xây dựng, ma tuý, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, vận chuyển hàng cấm...

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Đối với công tác kiểm tra:

+ Một số cơ quan chưa thật sự quan tâm đến công tác tự kiểm tra, rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành và chưa bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan để kịp thời phát hiện những sai sót ngay từ khâu xây dựng dự thảo văn bản;

+ Một số VBQPPL Sở Tư pháp tự kiểm tra đã phát hiện có nội dung chưa phù hợp với VBQPPL cấp trên nhưng lại phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Đây là bất cập trong xử lý văn bản giữa cấp trên và tỉnh.

- Rà soát VBQPPL: Việc rà soát thường xuyên diễn ra còn chậm nên quá trình tham mưu ban hành VBQPPL mới để sửa đổi, bổ sung, thay thế còn chưa đảm bảo tiến độ theo quy định. Rà soát theo định kỳ chưa thật sự chú trọng rà soát sâu vào nội dung của văn bản mà chủ yếu là tập hợp danh mục.

- Tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết: Một số VBQPPL được giao quy định chi tiết thực hiện các Luật như: Luật Du lịch, Luật Chăn nuôi... nhưng

⁸Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá, Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ; các điều ước quốc tế ký kết giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới; điều ước về biển mà Việt Nam là thành viên... và các lĩnh vực pháp luật thuộc phạm vi quản lý của từng ngành, địa phương;

các văn bản quy định chi tiết có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của các Luật, chưa được ban hành.

- Một số quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 còn khó khăn khi áp dụng, còn chưa thống nhất trong cách hiểu và vận dụng; văn bản cấp trên còn chậm ban hành văn bản quy định chi tiết gây khó khăn cho địa phương khi áp dụng thực tế và làm căn cứ để ban hành VBQPPL tại địa phương.

- Các VBQPPL giao cho địa phương ban hành còn nhiều nội dung chưa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Hệ thống VBQPPL còn nhiều chồng chéo, mâu thuẫn.

- Đội ngũ công chức làm công tác thẩm định còn hạn chế về số lượng và năng lực. Cán bộ pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong tham mưu xây dựng VBQPPL.

2. Cải cách TTHC

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành

- Trong những năm qua, Tỉnh đã tiến hành rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận TTHC, thực hiện TTHC qua nhiều hình thức, từ đó góp phần thiết thực cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Thông qua rà soát, đánh giá và thực hiện về đơn giản hóa TTHC đã phát hiện nhiều bất hợp lý trong quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong bộ máy hành chính; kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC trong những năm qua có tác động trực tiếp đến việc đổi mới quy trình ra quyết định công bố TTHC của các cơ quan nhà nước, trong đó có quyết định công bố TTHC trên địa bàn tỉnh.

b) Về kiểm soát TTHC

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo các quy định của Chính phủ.

+ Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương ở 3 cấp (*tỉnh, huyện, xã*);

+ Thực hiện các quy định về công tác kiểm soát TTHC⁹ hằng năm, UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC và truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC; Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát TTHC và các văn bản để chỉ đạo, triển khai công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh theo quy định.

⁹Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

+ Công tác tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh được duy trì thực hiện; bố trí bộ phận thường trực và niêm yết công khai địa chỉ, điện thoại, email của cơ quan thường trực tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện niêm yết địa chỉ thường trực, thông báo đường dây nóng riêng hoặc lập hộp thư góp ý nhằm tiếp nhận kịp thời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC, góp phần hạn chế tình trạng từ chối thực hiện, thực hiện không đúng quy định hoặc tự ý yêu cầu, bổ sung, đặt thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; sách nhiễu, gây phiền hà cho các cá nhân và tổ chức. Tại Trung tâm Kiểm soát TTHC và Phục vụ hành chính công Tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã có bố trí phiếu thăm dò ý kiến khách hàng về sự hài lòng và chưa hài lòng đối với việc giải quyết TTHC. Các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về TTHC được tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật;

+ Để thống nhất trong toàn tỉnh việc tiếp nhận, xử lý và trả lời các yêu cầu, thắc mắc hoặc phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, Văn phòng đã tham mưu UBND Tỉnh triển khai thực hiện Đề án thí điểm thành lập Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022¹⁰ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; theo đó, người dân, doanh nghiệp có thể góp ý, phản ánh thông tin bằng nhiều hình thức như: Gọi đến số điện thoại đường dây nóng, gửi thư điện tử, livechat, gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo, Facebook.

- Việc cập nhật, công bố TTHC theo quy định

+ Thực hiện các quy định của Chính Phủ, Văn phòng Chính phủ về công tác Kiểm soát TTHC¹¹, UBND Tỉnh thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh kịp thời rà soát, cập nhật TTHC mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung để kịp thời công bố, công khai, thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi có yêu cầu;

+ Hằng năm, Chủ tịch UBND Tỉnh ký ban hành hơn 20 Quyết định công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Đồng Tháp;

¹⁰Từ ngày 01/01/2020, Tổng đài 1022 chính thức đi vào hoạt động, đã mang lại hiệu quả thiết thực, thu hút rất nhiều phản ánh, kiến nghị, hỏi đáp thông tin của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Công tác phối hợp tiếp nhận, xử lý và trả lời yêu cầu, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp qua Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện tốt, các yêu cầu đều được điện thoại viên tiếp nhận và lập phiếu xử lý kịp thời, dứt điểm đạt 98.91%, cụ thể: Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 13/5/2020, hệ thống Tổng đài 1022 đã tiếp nhận và thực hiện 4.890 cuộc gọi (gồm: 2.643 cuộc gọi vào, 2.247 cuộc gọi ra). Theo đó, điện thoại viên tổ chức tiếp nhận và lập 1.737 phiếu xử lý ý kiến, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân (trong đó có 588 phản ánh, kiến nghị, hỏi đáp thông tin liên quan đến TTHC). Các phản ánh, kiến nghị tiếp nhận qua điện thoại: 1328 ý kiến; email: 37 ý kiến; zalo: 156 ý kiến; website 1022.dongthap.gov.vn: 106 ý kiến; facebook: 110 ý kiến; hiện còn 19 ý kiến, phản ánh đang được cơ quan có liên quan xem xét, giải quyết.

¹¹Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

+ Tổng số TTHC hiện hành trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tính đến ngày 10 tháng 5 năm 2020 là: 1.755 TTHC, trong đó, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh là: 1.345 TTHC; TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện là: 258 thủ tục; TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã là: 152 thủ tục.

c) Công khai TTHC theo quy định của Chính phủ

Thực hiện niêm yết, công khai đầy đủ và đúng quy định các TTHC, nội dung, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính tại Trung tâm Kiểm soát TTHC và Phục vụ Hành chính công Tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện và UBND cấp xã. 100% TTHC được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Tỉnh và trên Trang Thông tin điện tử của các đơn vị và địa phương. Thực hiện tốt công tác chuẩn hóa, cập nhật và công khai TTHC thuộc phạm vi công bố, công khai đối với 1.755 TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Thực hiện các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ¹² đến nay trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đã có: 18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (sở, ban, ngành), 12 đơn vị hành chính cấp huyện và 143 đơn vị hành chính cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (đạt 100%).

- Về tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.

+ Cấp tỉnh: Thành lập Trung tâm Kiểm soát TTHC và Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND Tỉnh;

+ Tại cấp huyện: Thành lập Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND do một lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND đứng đầu, các cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện cử công chức đến làm việc đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và được Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt danh sách;

+ Tại cấp xã: Thành lập Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo, phụ trách; Công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã phân công căn cứ vào tình hình cụ thể tại địa phương (đa số là công chức văn phòng-thống kê).

- Về bố trí trụ sở, trang thiết bị của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả: Hầu hết các Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện, cấp xã được bố trí ở vị trí thuận tiện, dễ tìm, diện tích phù hợp để thực hiện nhiệm vụ, quy mô diện tích phù hợp với số lượng giao dịch giải quyết hồ sơ trong ngày; bố trí khu vực cung cấp thông tin, TTHC; khu vực tiếp nhận và trả kết quả, bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết,.. Một số địa phương có trang bị máy tính có kết nối mạng

¹²Quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, lắp đặt camera theo dõi khu vực làm việc của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, bố trí máy lấy số xếp hàng tự động và các màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá kết quả giải quyết TTHC của cơ quan và công chức.

đ) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích

Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích. Đồng Tháp đã công bố 879 TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, với 129 TTHC ưu tiên thực hiện¹³.

Qua hơn 03 năm triển khai thực hiện, số hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ Bưu chính công ích khoảng 50.000 hồ sơ, chuyển trả qua dịch vụ Bưu chính công ích là khoảng 300.000 hồ sơ. Dự kiến tích hợp hệ thống thông tin một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công tỉnh Đồng Tháp với phần mềm quản lý chuyển phát của VNPost hoạt động thời gian tới.

Mô hình hẹn giờ thực hiện TTHC tại nhà người dân đã được áp dụng triển khai thực hiện đối với 49 TTHC thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và 35 TTHC thuộc thẩm quyền cấp huyện. Đề án thí điểm chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công đã được thực hiện 03 giai đoạn và đang triển khai giai đoạn 3 mở rộng. Đến nay, Đề án đã thực hiện tại Trung tâm Kiểm soát TTHC và Phục vụ hành chính công Tỉnh; 11/12 Bộ phận Một cửa cấp huyện và 29 Bộ phận Một cửa cấp xã.

e) Sáng kiến, giải pháp cải cách TTHC

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi đến thực hiện TTHC tại địa phương, trong những năm qua, tỉnh Đồng Tháp đã triển khai thực hiện các mô hình thiết thực, hiệu quả:

- Mô hình "Cà phê doanh nhân – doanh nghiệp";
- Đề án thí điểm chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công;
- Mô hình hẹn giờ thực hiện TTHC tại nhà người dân;
- Tổ chức toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Trung tâm (Mô hình “04 tại chỗ” trong 01 ngày làm việc (08 giờ) với 23 TTHC);
- Tổng đài thông tin Dịch vụ công 1022 tỉnh Đồng Tháp;
- Xây dựng các video clip hướng dẫn TTHC (trên 30 video clip);
- Giải quyết TTHC lưu động ở cấp xã vào các ngày cuối tuần;

¹³Các TTHC này đã được niêm yết công khai tại Trung tâm Kiểm soát TTHC và Phục vụ hành chính công Tỉnh; trên Cổng Thông tin điện tử Tỉnh, Trang thông tin điện tử của các Sở, ngành và UBND cấp huyện. Ngoài ra, các Sở, ngành và Trung tâm Kiểm soát TTHC và Phục vụ hành chính công Tỉnh cũng đã có văn bản thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết về danh mục các TTHC; địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử của đơn vị đề tổ chức, cá nhân có thể liên lạc trong quá trình gửi, nhận hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Một số nội dung khác¹⁴.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác cải cách TTHC và kiểm soát TTHC tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chưa được quan tâm đúng mức, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo thực hiện, nên việc triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC còn chậm, chất lượng công việc chưa cao.

- Đội ngũ cán bộ làm đầu mối kiểm soát TTHC ở các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã còn kiêm nhiệm nhiều việc, thường thay đổi, một số cán bộ còn ít kinh nghiệm, kỹ năng nghiệp vụ còn hạn chế, do đó, việc tham mưu triển khai công tác kiểm soát TTHC tại đơn vị còn nhiều hạn chế.

- Công tác rà soát, đánh giá TTHC chưa hiệu quả cao, một số địa phương cấp xã thực hiện còn hình thức, chưa đề xuất được phương án đơn giản hóa TTHC để cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, chưa thu thập và xử lý thông tin trên phần mềm một cửa điện tử.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của UBND, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy:

+ Thực hiện các Nghị định của Chính phủ¹⁵ và các quy định của pháp luật, UBND Tỉnh đã sắp xếp, kiện toàn lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được tổ chức thống nhất phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố;

+ Đối với cấp tỉnh: Tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được thành lập theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ (hiện nay là Nghị định số 24/2014/NĐ-CP). UBND Tỉnh đã ban hành các Quyết định, sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 18/18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh trên cơ sở các Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện. Về chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể, cơ bản đã khắc phục được tình trạng chùng chéo giữa các Sở. Hầu hết các Sở tham mưu giúp UBND Tỉnh thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được giao, đồng thời, thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ, quyền hạn theo ủy quyền

¹⁴Quyết định rút ngắn thời gian giải quyết của 576 thủ tục; khai thác ứng dụng Zalo trong việc đăng tải các thông tin, thông báo về dịch vụ công; phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính nước và giải quyết TTHC; thí điểm thành lập Trung tâm Hành chính công đầu tiên của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vào ngày 03/10/2016; xây dựng và đưa vào hoạt động Trang Thông tin điện tử và Fanpage Facebook của Trung tâm kiểm soát TTHC và Phục vụ hành chính công; CCVC thực hiện “6 biết”; Thực hiện gửi thư chúc mừng, thư chia buồn/thư xin lỗi...

¹⁵Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ (hiện nay là Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP);

hoặc phân cấp của UBND Tỉnh; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn theo quy định của pháp luật;

+ Cơ cấu tổ chức bên trong các Sở bao gồm các Phòng được tổ chức và hoạt động theo các Nghị định của Chính phủ và Thông tư liên tịch giữa các Bộ, Ngành Trung ương và Bộ Nội vụ. Số lượng Phòng theo quy định của Trung ương ở cấp tỉnh không quá 06 (không kể Văn phòng và Thanh tra Sở), trừ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND Tỉnh không quá 09 Phòng. Do đó, việc thành lập các Phòng, Văn phòng, Thanh tra vừa qua tại các Sở không vượt quá số lượng quy định;

+ Đối với cấp huyện: Tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ (hiện nay là Nghị định số 37/2014/NĐ-CP); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện do UBND các huyện, thị xã, thành phố quy định trên cơ sở các Thông tư, Thông tư liên bộ hướng dẫn thực hiện và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của Tỉnh

+ Cấp Tỉnh: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh: Qua sắp xếp giảm 03 cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh (giảm từ 20 xuống còn 17 cơ quan khi thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ). Năm 2011, có 122 Phòng, đến tháng 12/2016 có 130 Phòng, tăng 08 phòng. Hiện nay, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh có 18 cơ quan (trong đó có 02 cơ quan tương đương sở và 01 cơ quan được thành lập theo tính chất đặc thù của địa phương là Sở Ngoại vụ). Năm 2019, 18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh có 111 Phòng, Văn phòng, Thanh tra và 13 Chi cục và tương đương;

+ Đơn vị sự nghiệp trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh năm 2010 là 153 đơn vị, đến hết tháng 12 năm 2016 là 156 đơn vị, tăng 03 đơn vị. Năm 2019, giảm còn 113 đơn vị (trong 113 đơn vị chưa tính các Trạm thuộc Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Trạm thuộc Trung tâm Y tế, trực thuộc Sở Y tế);

+ Cấp huyện: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện từ năm 2011 đến hết tháng 12 năm 2016, số lượng Phòng, Văn phòng, Thanh tra thuộc UBND cấp huyện không thay đổi (có 144 cơ quan). Hiện nay, được tổ chức thống nhất là 10 phòng, ngoài 10 phòng ở huyện, thị xã, thành phố có thêm 02 phòng phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính, 12 huyện, thị xã, thành phố có 144 phòng chuyên môn. Số lượng các đơn vị sự nghiệp, năm 2010 là 711 đơn vị, đến hết tháng 12 năm 2016 là 718 đơn vị (tăng 07 đơn vị, do thành lập mới các trường mầm non, tiểu học). Năm 2019, giảm còn 688 đơn vị;

+ Xuất phát từ những yêu cầu về sắp xếp tổ chức và đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Tỉnh. Từ năm 2014, Tỉnh đã bắt đầu đẩy mạnh thí điểm sắp xếp sáp nhập, hợp nhất một số đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó, lĩnh vực giáo dục và đào tạo: qua sắp xếp, hợp nhất đã giảm được 10 đơn vị; lĩnh vực y tế: qua bước đầu thí điểm hợp nhất đã giảm 06 đơn vị sự nghiệp y tế tuyến huyện, sau thời gian thí điểm hợp nhất, Tỉnh uỷ cho chủ trương

thống nhất hợp nhất các đơn vị y tế tuyến huyện thành Trung tâm Y tế. Từ những mô hình nêu trên bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan, được Hội đồng lý luận Trung ương quan tâm nghiên cứu.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 62-CTr/TU, thời gian qua, công tác sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất tổ chức bộ máy đảm bảo tiến độ, góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2020, đã giảm được 120 đơn vị sự nghiệp công lập, tỷ lệ giảm đạt 133,3% so với mục tiêu giai đoạn 2015 - 2020 (giảm 90 đơn vị sự nghiệp).

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của Tỉnh

+ Biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp được quản lý chặt chẽ, công khai từ lập kế hoạch đến quyết định phân bổ biên chế. Hằng năm, trên cơ sở Quyết định giao biên chế của Bộ Nội vụ, UBND Tỉnh trình HĐND Tỉnh phê duyệt để giao biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp) đối với các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đảm bảo không vượt số lượng biên chế do Bộ Nội vụ giao cho địa phương.

+ Tính đến năm 2015, biên chế hành chính của tỉnh Đồng Tháp là 2.679 biên chế tăng 248 biên chế so với năm 2009 (số biên chế tăng chủ yếu do tăng thêm chức năng, nhiệm vụ, thành lập thêm các phòng chuyên môn thuộc các sở, ngành tỉnh); biên chế sự nghiệp là 31.970 (trong đó có 179 biên chế các hội đặc thù) tăng 3.764 người so với năm 2009 (tăng chủ yếu đối với lĩnh vực giáo dục và y tế do tăng số trường, lớp, ngành học mầm non, thành lập mới các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các cơ quan hành chính nhà nước). Đến năm 2020, số biên chế giao của tỉnh Đồng Tháp đã giảm cơ bản đạt theo lộ trình¹⁶.

+ Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Kế hoạch số 01-KH/TU ngày 14/01/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 03/02/2015 triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Theo đó, chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức quán triệt chủ trương tinh giản biên chế của Đảng; tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và xây dựng Đề án tinh giản biên chế tại cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở xây dựng Đề án tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 209/QĐ-UBND-HC ngày 03/3/2017 phê duyệt Đề án tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP giai đoạn 2015 - 2021 và được điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 549/QĐ-UBND-HC ngày 24/5/2018 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung

¹⁶Khối hành chính giảm 232 biên chế so với biên chế năm 2015, đạt tỷ lệ 8,87% (năm 2015 giao 2.679 chuyên về Bộ Công Thương 63 còn lại là 2.616) và sự nghiệp giảm 2.821 biên chế so với biên chế giao năm 2015, đạt tỷ lệ 8,87% (năm 2015 giao 31.970 biên chế bao gồm 179 biên chế hội đặc thù, còn lại 31.791 biên chế sự nghiệp). Dự kiến đến năm 2021 sẽ giảm tối thiểu 10% so với số biên chế giao năm 2015;

Đề án tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị và địa phương thuộc tỉnh Đồng Tháp theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP¹⁷.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của tỉnh

Căn cứ Quy chế làm việc của UBND Tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 79/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Tỉnh ban hành Quy chế làm việc phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, đơn vị, quy định rõ nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương

- Đánh giá thực trạng và kết quả hoạt động của UBND các cấp.

+ Trên cơ sở Quy chế làm việc đã ban hành, UBND các cấp đã tổ chức xây dựng chương trình trọng tâm công tác hằng năm, hằng quý về quản lý điều hành các chương trình công tác và đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; duy trì tổ chức định kỳ các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết thực hiện một số nghị quyết, chương trình của Trung ương, của tỉnh, của huyện. Triển khai các chuyên đề về thu, chi ngân sách, CCHC, xây dựng cơ bản; thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia với sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan, đoàn thể;

+ Hoạt động của UBND các cấp từng bước được đổi mới, đảm bảo đúng Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Hằng năm, trên cơ sở chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết, Chương trình hành động của cấp ủy và Nghị quyết của HĐND cùng cấp; UBND các cấp cụ thể hoá bằng các đề án, dự án, kế hoạch, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN); quyết định giao dự toán thu - chi NSNN và kế hoạch vốn đầu tư phát triển; các kế hoạch kiểm tra; tổ chức hội nghị triển khai đến thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và Chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp;

+ Trong chỉ đạo, điều hành, UBND các cấp thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND đã duy trì chế độ họp giao ban và hội ý hàng tuần đúng theo quy định của Quy chế làm việc, đảm bảo không để công việc tồn đọng. Các thành viên UBND thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền, kịp thời tháo gỡ khó khăn, giúp cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Đánh giá thực trạng và kết quả hoạt động của HĐND các cấp

¹⁷Trong giai đoạn 2015 - 2019, UBND Tỉnh phê duyệt và trình Bộ Nội vụ phê duyệt tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP cho 766 người, trong đó: hành chính 155 người, khối sự nghiệp là 491 người và cán bộ, công chức cấp xã là 120 người.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, UBND Tỉnh phê duyệt tinh giản biên chế cho 138 người, trong đó hành chính là 16 người, khối sự nghiệp là 71 người và cán bộ, công chức cấp xã là 51 người.

Như vậy, từ năm 2015 đến quý II năm 2020 toàn tỉnh đã thực hiện tinh giản biên chế cho 904 người, trong đó:

+ Hành chính: 171 người, chiếm tỷ lệ 6,54% so với biên chế giao năm 2015;

+ Khối sự nghiệp: 562 người, chiếm tỷ lệ 1,76 % so với biên chế giao năm 2015;

+ Cán bộ, công chức cấp xã: 171/3.155 người, chiếm tỷ lệ 5,42% so với cán bộ, công chức có mặt năm 2015.

+ Chất lượng các kỳ họp của HĐND ngày càng được chú trọng đổi mới theo hướng mở rộng dân chủ, công khai, minh bạch; các nội dung trình tại kỳ họp được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo Luật định. Thường trực, các Ban HĐND luôn chủ động phối hợp chặt chẽ với UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng của từng kỳ họp; từ công tác chuẩn bị đầy đủ, chu đáo tài liệu phục vụ cho đại biểu cho đến các hoạt động thẩm tra, thảo luận, chất vấn, xây dựng, ban hành các Nghị quyết tại kỳ họp. Cơ sở vật chất, kinh phí được đầu tư đúng mức; công tác thông tin, tuyên truyền được quan tâm thực hiện bằng nhiều hình thức như truyền hình trực tiếp hoặc phát thanh trực tiếp (đối với cấp huyện và cấp xã) các phiên họp tại hội trường một cách công khai để cử tri theo dõi, giám sát; đã tích cực góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan dân cử địa phương; đồng thời, giữ vững mối quan hệ với cử tri. Từ đó, các kỳ họp của HĐND ngày càng mở rộng dân chủ, thực sự có tác dụng thúc đẩy trách nhiệm của từng đại biểu dân cử trong việc bàn bạc quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương; mặt khác, góp phần làm thay đổi cách nhìn nhận và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chức năng tham dự họp, tạo sức thu hút, chú ý theo dõi của cử tri và Nhân dân;

+ Công tác tiếp xúc cử tri có những bước đổi mới đáng kể: Thường trực HĐND Tỉnh phối hợp với Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Đồng Tháp, UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh tổ chức Hội thảo chuyên đề “Đổi mới và nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử”, qua đó, thực hiện đổi mới việc xây dựng đề cương, nội dung báo cáo của đại biểu ngắn gọn, súc tích; dành nhiều thời gian lắng nghe ý kiến đóng góp và kiến nghị của cử tri; chọn đối tượng, hình thức tiếp xúc một cách đa dạng, phong phú, đổi mới địa điểm tiếp xúc đều khắp từ các trung tâm xã, thị trấn đến tận các khóm, ấp vùng sâu... để tạo điều kiện thuận lợi và thu hút nhiều đối tượng cử tri tham gia. UBND quan tâm bố trí lãnh đạo địa phương cùng tham dự để giải trình ngay những vấn đề thuộc thẩm quyền. Thường trực HĐND các cấp thường xuyên giám sát kết quả việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cử tri còn chậm hoặc kiến nghị nhiều lần, qua đó, đã thúc đẩy trách nhiệm của các cấp chính quyền quan tâm giải quyết, góp phần tạo niềm tin cho cử tri.

c) Về phân cấp quản lý

- Việc thực hiện các quy định phân cấp tại địa phương: Việc thực hiện phân cấp theo Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ và Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ được các Sở, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện nghiêm túc và đúng quy định. Qua triển khai thực hiện Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 12/9/2016 của UBND Tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ, nhiều nội dung phân cấp quản lý đã được cụ thể hóa vào các VBQPPL của tỉnh trên từng lĩnh vực, phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành từ Tỉnh đến cơ sở.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đã phân cấp cho cơ quan hành chính cấp dưới: Hằng năm, các sở, ngành Tỉnh và UBND cấp huyện đều kiểm tra định kỳ (lồng

ghép với các đợt kiểm tra CCHC, kiểm tra hành chính) hoặc đợt xuất, rà soát các nội dung phân cấp để kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp cho phù hợp với các văn bản quy định của Trung ương.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra: Qua kiểm tra một số nhiệm vụ phân cấp, có một số lĩnh vực phân cấp không còn hiệu lực hoặc không phù hợp, các sở, ngành tỉnh đã tham mưu UBND Tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ, sửa đổi hoặc thay thế...

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra: Hằng năm, công tác xây dựng, kiểm tra đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh được lồng ghép vào kế hoạch kiểm tra CCHC của Tỉnh.

- Kết quả thực hiện kiểm tra

+ Hằng năm, kiểm tra 18/18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, 12/12 huyện, thị xã, thành phố về tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện với nội dung: việc thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy (ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định; sắp xếp tổ chức bộ máy,...); việc thực hiện các quy định về phân cấp, việc tham mưu UBND Tỉnh kiên nghị Trung ương phân cấp cho tỉnh và đề xuất UBND Tỉnh phân cấp, uỷ quyền giải quyết công việc cho Thủ trưởng sở, ngành tỉnh hoặc phân cấp cho UBND cấp huyện, cấp xã;

+ Qua kiểm tra, nhằm khắc phục những thiếu sót, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của cơ quan, địa phương và định hướng trong thời gian tới. Đối với các đề xuất, kiến nghị thuộc thẩm quyền của UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh, Sở Nội vụ kiến nghị UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền quản lý tham mưu thực hiện. Đối với các đề xuất, kiến nghị thuộc thẩm quyền của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương, UBND Tỉnh có văn bản kiến nghị theo thẩm quyền xử lý.

đ) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công

Tỉnh đã đẩy mạnh phân cấp quản lý cho các đơn vị sự nghiệp công theo quy định. Theo đó, căn cứ mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (*đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên*), nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập ngoài thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được cơ quan có thẩm quyền ban hành, còn thực hiện theo các quy định về phân cấp quản lý của UBND Tỉnh¹⁸.

¹⁸ Quyết định số 11/2006/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2006 của UBND Tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương và công tác cán bộ, viên chức

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính giai đoạn 2019 - 2021 đối với xã Thường Lạc (thuộc diện phải sắp xếp) vào xã Thường Thới Hậu B (xã liền kề có liên quan), huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để thành lập xã mới là xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo đúng quy định pháp luật. Sau khi thực hiện sáp nhập, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giảm 01 xã, còn 143 xã, phường, thị trấn.

- Điều chỉnh địa giới hành chính xã Thường Thới Tiền và xã Thường Phước 2 để thành lập thị trấn Thường Thới Tiền thuộc huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập các ấp, khóm có quy mô dân số hộ gia đình dưới 50% theo quy định tại Thông tư số 14/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ để thành lập ấp mới, khóm mới. Sau khi thực hiện sáp nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giảm 03 ấp, còn 698 ấp, khóm.

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Năm 2016, tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh có xu hướng tăng, do thực hiện theo các Thông tư, Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện chưa có các văn bản hướng dẫn thực hiện;

- Hằng năm, số lượng các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, tự đảm bảo chi thường xuyên có tăng nhưng chưa đảm bảo theo lộ trình đề ra theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương;

- Việc thực hiện giảm hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hiện nay rất khó khăn vì nếu giảm theo quy định thì các cơ quan, đơn vị chỉ có 01 bảo vệ phải làm việc 24/24 giờ, không phù hợp với pháp luật về lao động và hạn chế việc tổ chức học bán trú tại các cơ sở giáo dục mầm non (nhu cầu học bán trú của phụ huynh đều tăng dần qua các năm);

- Việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 còn chậm, nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động của HĐND. Trung ương chưa ban hành quy chế hoạt động của HĐND, chưa có quy định về thi đua - khen thưởng đối với đại biểu HĐND nên phần nào cũng ảnh hưởng đến hoạt động của HĐND;

trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2014 của UBND Tỉnh ban hành Quy định phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các Hội, doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc UBND Tỉnh; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND Tỉnh ban hành Quy định phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các Hội, doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc UBND Tỉnh; Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2019 của UBND Tỉnh ban hành Quy định phân cấp, phân công về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Công tác tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ trong các đơn vị sự nghiệp còn chậm, khó đạt chỉ tiêu 10% so với biên chế giao năm 2015;

- Thời gian thực hiện xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã quá khẩn trương nên việc thực hiện gặp nhiều khó khăn. Một số Bộ, ngành Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt là sắp xếp tổ chức bộ máy cấp ủy, chính quyền, sắp xếp cán bộ, công chức sau khi sáp nhập. Công tác vận động tuyên truyền cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa sâu rộng, do đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân ở đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp chưa chấp hành tốt Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản của bộ, ngành, địa phương về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã;

- Việc hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã còn lúng túng, do lần đầu thực hiện việc sáp nhập các đơn vị hành chính. Khó khăn về cơ chế, chính sách để khuyến khích các trường hợp chưa đủ điều kiện để nghỉ hưu trước tuổi hoặc muốn về thôi việc ngay để chờ đủ tuổi nghỉ hưu do hiện nay tỉnh chưa có chế độ chính sách hỗ trợ để nghỉ chờ và hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và BHYT. Việc bố trí cán bộ tại các đơn vị hành chính mới thành lập gặp rất nhiều khó khăn do thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, mỗi đơn vị giảm 02 người nên các vị trí cán bộ khuyết trên địa bàn các huyện thực hiện sắp xếp không còn, đồng thời, thực hiện bố trí Trưởng công an xã, thị trấn là công an chính quy, do vậy, không còn vị trí để bố trí nên khi chuyển cán bộ sang công chức thì số lượng công chức sau khi sáp nhập ngoài việc tăng cơ học còn tăng thêm số cán bộ chuyển sang. Số này cần có lộ trình và thời gian để tinh gọn theo quy định.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm

Nhằm đổi mới công tác quản lý biên chế, rà soát lại đội ngũ công chức, viên chức để bố trí lại cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, khắc phục tình trạng vừa thừa, vừa thiếu trong đội ngũ công chức, viên chức, thực hiện các Nghị định, Thông tư quy định về vị trí việc làm, UBND Tỉnh xây dựng Đề án Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính của tỉnh Đồng Tháp trình Bộ Nội vụ phê duyệt. Đến nay, cơ bản các cơ quan, địa phương đã thực hiện bố trí công chức theo vị trí việc làm đúng quy định, hằng năm hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, địa phương đều cập nhật lại vị trí việc làm, đảm bảo việc thực hiện, bố trí công chức, sử dụng biên chế đúng quy định.

+ Đối với vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính

Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Đồng Tháp được Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 2028/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 và Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016, Sở Nội vụ tham mưu UBND Tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện và phổ biến, quán triệt mục tiêu, quan điểm và các nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện công tác vị trí việc làm, công tác hoàn thiện bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm tại địa phương. Đồng thời, tiến hành kiểm tra công tác hoàn thiện bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Theo đó, có tất cả 316 vị trí việc làm được phê duyệt trong các cơ quan hành chính ở tỉnh Đồng Tháp (49 vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành, 251 vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn, nghiệp vụ, 16 vị trí việc làm thuộc nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ) được hoàn thiện bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm theo quy định. Từ đó, làm căn cứ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cho mỗi công chức phù hợp với tiêu chuẩn vị trí việc làm đang đảm nhiệm.

+ Đối với vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập

UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 1415/QĐ-UBND-HC ngày 15/11/2018 về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Đồng Tháp (tổng cộng có 344 vị trí), căn cứ Quyết định này, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực hiện hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc phạm vi quản lý.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ toàn bộ kinh phí hoạt động, UBND Tỉnh giao đơn vị tự thực hiện phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở bảo đảm việc làm ổn định và thu nhập cho số lượng người làm việc tăng thêm.

Công tác xây dựng Đề án vị trí việc làm cũng như hoàn thiện bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm đã giúp lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị rà soát, đánh giá lại tình hình sử dụng, sắp xếp nhân sự trong cơ quan, đơn vị và có cái nhìn toàn diện về số lượng vị trí việc làm dự kiến và số lượng vị trí việc làm hiện tại cũng như định hướng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực một cách hiệu quả.

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý CBCCVC của tỉnh

+ Việc tuyển dụng công chức cấp huyện, cấp tỉnh được UBND Tỉnh tổ chức tuyển dụng bằng hình thức thi tuyển, theo nguyên tắc cạnh tranh, công khai, công bằng, minh bạch, khách quan. Từ năm 2013 đến nay, Tỉnh Đồng Tháp đã đẩy mạnh UDCNTT trong công tác tổ chức thi tuyển công chức. Tỉnh đã xây dựng và ứng dụng phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính đối với môn chuyên môn, nghiệp vụ (phần trắc nghiệm); môn Tin học trong kỳ thi tuyển công chức. Sau khi kết thúc thời gian làm bài, thí sinh nộp bài và biết ngay kết quả điểm thi, các môn thi còn lại thực hiện thi trên giấy;

Từ năm 2015 đến nay, thí sinh dự tuyển công chức tỉnh Đồng Tháp chỉ nộp hồ sơ đăng ký ban đầu gồm 01 đơn đăng ký dự tuyển; Bản sao bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí dự tuyển. Điều này, góp phần đơn giản hoá TTHC; giảm thời gian, chi phí của thí sinh (ít nhất là 500.000 nghìn đồng/thí sinh). Sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển, bắt buộc thí sinh phải nộp đầy đủ hồ sơ như: sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp... để thẩm tra, xác minh và quyết định tuyển dụng theo quy định. Đồng thời, việc tiếp nhận hồ sơ của thí sinh dự tuyển từ năm 2014 đến nay được thực hiện bằng phần mềm tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận;

+ Công tác tuyển dụng công chức, viên chức của Tỉnh được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, trong biên chế công chức và số người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao, không có cơ quan, đơn vị nào tuyển vượt biên chế, số lượng người làm việc được giao; công chức, viên chức được tuyển dụng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Các cơ quan, đơn vị trong Tỉnh hiện nay cơ bản đã chấm dứt hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, trong quá trình tuyển dụng, còn một số trường hợp tuyển dụng chưa đúng trình tự, thủ tục theo quy định, UBND Tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chấn chỉnh, xử lý đúng theo quy định. Việc thực hiện công tác nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức đảm bảo đúng theo quy định, trên nguyên tắc minh bạch, cạnh tranh công bằng, đảm bảo đúng cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp công chức, viên chức;

+ UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 7 năm 2013 về việc ban hành Đề án thí điểm thi tuyển cạnh tranh vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, đạt kết quả tốt. Độ tuổi trung bình của các ứng viên dự thi là 41, có 12 ứng viên đăng ký dự thi là nữ (12/68, chiếm 18%). Độ tuổi trung bình của 27 ứng viên trúng tuyển là 40, trong đó, có 06 ứng viên là nữ (06/21, chiếm 22%). Người trúng tuyển có tuổi đời trẻ nhất là 28 tuổi. Việc thực hiện thi tuyển lãnh đạo, quản lý là công việc mới, chưa có quy định thống nhất. Tuy nhiên, với quyết tâm chính trị cao cùng với sự đoàn kết, thống nhất và tích cực trong việc phối hợp thực hiện của các tập thể, cá nhân, các đơn vị nên công tác tổ chức thi tuyển được tiến hành thuận lợi, đạt kết quả khả quan. Đã tuyển chọn được Lãnh đạo các sở (Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng cộng đồng, Phó Giám đốc các Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh, Lãnh đạo cấp phòng ở một số sở và phòng chuyên môn cấp huyện. Tỉnh đã dừng thực hiện Đề án thí điểm theo quy định của Trung ương và chờ hướng dẫn thực hiện các năm tiếp theo.

+ Ban hành quy định các chuyên ngành đào tạo chuyên môn đúng, phù hợp các chức danh công chức hành chính làm căn cứ tuyển dụng, sử dụng công chức; quán triệt, triển khai Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, đồng thời, đang hoàn thiện quy chế thu hút công chức, viên chức nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh Đồng Tháp theo hướng đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

+ Thực hiện Quyết định số 1374/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011 - 2015, Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2016 - 2025, UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Hằng năm, Sở Nội vụ tham mưu UBND Tỉnh khảo sát nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổng hợp, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC. Đồng thời, trong quá trình thực hiện, kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung để các mục tiêu đặt ra tại kế hoạch đảm bảo tính khả thi và sát với nhu cầu thực tế. Từ 2018 đến nay, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND Tỉnh đổi mới công tác quản lý, chiêu sinh theo hướng phân bổ chỉ tiêu trên nhu cầu đăng ký của các đơn vị và chiêu sinh tập trung một đến hai lần trong năm tất cả các lớp bồi dưỡng do Tỉnh tổ chức. UDCNTT trong quản lý về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; rà soát, đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chung và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời, khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ CBCCVC học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, UBND Tỉnh đã ban hành hoặc trình HĐND Tỉnh ban hành các chế độ, chính sách và quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC. Ngoài ra, thực hiện Công văn số 4524/BNV-ĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng CBCCVC, Tỉnh đã có văn bản triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, hằng năm xây dựng phương án điều tra, khảo sát chất lượng bồi dưỡng đối với các nội dung do Tỉnh trực tiếp tổ chức và thực hiện việc tổng hợp, phân tích dữ liệu, báo cáo kết quả gửi Bộ Nội vụ;

+ Kết quả đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2011 đến nay đã đào tạo 9.504 CBCCVC, trong đó, đào tạo trình độ chuyên môn gồm: 60 tiến sĩ, 627 thạc sĩ; đào tạo chuyên môn trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học cho 2.721 CBCCVC. Đào tạo lý luận chính trị gồm: 1.157 cao cấp, 4.939 trung cấp. Bồi dưỡng 171.318 lượt CBCCVC, cụ thể đã cử 5.046 lượt cán bộ, công chức tham dự lớp quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp; cử 7.450 lượt viên chức tham gia bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; cử 2.394 lượt CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho 156.428 lượt CBCCVC tỉnh, huyện và cán bộ, công chức cấp xã tham dự.

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của Tỉnh, 73,46% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, 89,6% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 87% cán bộ, công chức được bồi dưỡng cập nhật, kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ. Đối với viên

chức, đến thời điểm hiện tại có 25,68% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; 58,1% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm và 17,53% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp, cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành. Đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đạt 97,31% có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm; 74% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ; đảm bảo hàng năm, người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ CBCCVC

+ Xây dựng và đưa vào sử dụng Phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC tỉnh Đồng Tháp kể từ năm 2014; ban hành Quy chế quản lý phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC; tiến hành triển khai nhập dữ liệu hồ sơ CBCCVC của các sở, ban, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã vào phần mềm. Đến nay, đã có 15.729 hồ sơ được nhập dữ liệu vào phần mềm, đưa chế độ báo cáo, thống kê, công tác nhân sự cơ bản đi vào nền nếp;

+ Xây dựng và đưa vào sử dụng phân hệ Phần mềm quản lý đào tạo, bồi dưỡng (là phân hệ của Phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC tỉnh Đồng Tháp) kể từ năm 2017. Theo đó, công tác chiêu sinh, thẩm định, xây dựng danh sách, quản lý học viên và cập nhật kết quả bồi dưỡng được thực hiện trực tiếp trên phần mềm, giảm tải việc gửi, nhận văn bản giấy trong quá trình quản lý, thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng;

+ Xây dựng và đưa vào sử dụng phân hệ Phần mềm Quản lý tiền lương (là phân hệ của Phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC tỉnh Đồng Tháp) kể từ năm 2019. Sau khi phần mềm đưa vào sử dụng, đã tạo được cơ sở dữ liệu lương của từng CBCCVC, từng đơn vị và toàn Tỉnh. Các cơ quan, đơn vị có thông tin được tổ chức trong một cơ sở dữ liệu thống nhất, an toàn và bảo mật; đảm bảo khai thác được trên nhiều hệ thống khác nhau và trong thời gian dài; có được sự thống nhất về số liệu quỹ lương của đơn vị với Sở Tài chính, giúp công tác bảo vệ kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị với Sở Tài chính được rõ ràng, minh bạch, tăng tính thuyết phục hơn. Đồng thời, Sở Tài chính có cơ sở số liệu về quỹ lương toàn tỉnh, tăng tính thuyết phục với Bộ Tài chính khi bảo vệ ngân sách hàng năm.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của CBCCVC

+ Tỉnh ủy, UBND Tỉnh đã tập trung quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai, thực hiện một cách nghiêm túc, đồng bộ có hiệu quả các văn bản của Trung ương như: Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ

quan hành chính nhà nước; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 19/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực trong công tác quản lý công chức, viên chức và thi đua, khen thưởng; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của CBCCVC làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương;

+ Nêu cao vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu cấp uỷ, lãnh đạo sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc sở trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, phải xác định công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Gắn công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí với việc thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, việc tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng đối với CBCCVC của Tỉnh trong thực thi công vụ;

+ UBND Tỉnh đã ban hành các Kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, nâng cao đạo đức công vụ, văn hóa công sở, các kế hoạch thi đua thực hiện văn hóa công sở; về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc; nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ của CBCCVC trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm ngăn ngừa, phát hiện và uốn nắn kịp thời các biểu hiện vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương và CBCCVC.

b) Về công chức cấp xã

- Cơ cấu, số lượng: Cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2019 là 2.982 người (trong đó: cán bộ: 1.426; công chức: 1.556).

- Chất lượng

+ Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: thạc sĩ 31 người chiếm 1,03%; đại học 2.199 người chiếm 73,74%; cao đẳng 48 người chiếm 1,60%; trung cấp 624 người chiếm 20,92%; sơ cấp 80 người chiếm 2,68%;

+ Trình độ lý luận chính trị: cử nhân 15 người chiếm 0,50%; cao cấp 453 người chiếm 15,19%; trung cấp 1.911 người chiếm 64,08%; sơ cấp 555 người chiếm 18,61%;

- Qua 10 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 thì chất lượng cán bộ, công chức cấp xã từng bước được nâng lên, tính đến cuối năm 2019, cán bộ, công chức có trình độ đại học tăng 51,53% so với năm 2011.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm còn chậm do có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa được một số ngành, địa phương quan tâm đúng mức; vai trò, ý thức trách nhiệm của thủ trưởng một số các cơ quan, đơn vị chưa được nâng cao, nhất là trong việc xác định nhu cầu và cử CBCCVC tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng;

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt chế độ bồi dưỡng bắt buộc hàng năm đối với công chức (05 ngày làm việc/năm/công chức); vẫn còn một bộ phận CBCCVC chưa xác định đúng động cơ học tập, xem nhẹ, thiếu quan tâm đến công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng do đó khi tham gia học tập còn mang tính hình thức, đối phó;

- Chưa xây dựng kịp thời quy chế thu hút người tài vào các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, do chưa có quy định cụ thể thẩm quyền địa phương trong việc xác định mức hỗ trợ thêm. Đồng thời, tiêu chuẩn để xác định đối tượng thu hút quá cao so với thực tế (nhân lực ngành y tế) nên khó xây dựng quy chế;

- Việc bố trí công chức có trình độ chuyên môn được đào tạo chưa phù hợp với chức danh đảm nhiệm vẫn còn xảy ra. Cán bộ, công chức có chứng chỉ về tin học và biết sử dụng tin học ngày càng tăng nhưng việc khai thác sử dụng vào công việc chuyên môn còn hạn chế, sử dụng máy tính chủ yếu chỉ để đánh máy và soạn thảo văn bản. Một số công chức không đáp ứng yêu cầu hoặc không phát huy được năng lực nhưng chậm thay đổi, một số công chức còn tỏ ra quan liêu, hách dịch, gây phiền hà người dân.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

UBND Tỉnh đã triển khai nhiều nội dung gắn liền với thực hiện cải cách tài chính công. Cụ thể, công tác quản lý điều hành tài chính - NSNN trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu và kết quả tích cực, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, xử lý được các vấn đề cấp bách về thiên tai dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh hội nhập kinh tế...

Đồng thời, Tỉnh cũng đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực góp phần tăng thu ngân sách, đảm bảo thu NSNN trên địa bàn luôn đạt và vượt dự toán được giao hàng năm; quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đặc biệt là các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách an sinh xã hội, an ninh quốc phòng... Qua triển khai, công tác cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả như sau:

+ Công tác quản lý, sử dụng NSNN tại các đơn vị sử dụng ngân sách ngày càng chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả hơn; cơ cấu chi được thay đổi ngày càng tiệm cận với tỷ lệ hợp lý, từng bước giảm dần chi thường xuyên/tổng chi ngân sách để dành nguồn chi đầu tư phát triển;

+ Công tác phân cấp ngân sách đã có những đổi mới cơ bản, nâng cao quyền chủ động và trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong việc sử dụng ngân sách. Cụ thể, từ năm 2017, Tỉnh đã thực hiện phân cấp nhiệm vụ chi giáo dục và y tế về ngân sách huyện quản lý; đẩy mạnh việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công về cấp huyện; ban hành danh mục mua sắm tài sản tập trung... đã giúp giảm nhiều khâu, nhiều thủ tục không cần thiết trong phân bổ ngân sách, cũng như trong công tác mua sắm tài sản công;

+ Triển khai và vận hành thông suốt Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis) tại 3 cơ quan: Tài chính, Thuế và Kho bạc từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý tài chính, ngân sách các cấp.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.

Tỉnh đã hoàn thành cổ phần hóa 03/03 doanh nghiệp nhà nước¹⁹ phải thực hiện cổ phần hóa theo đúng chỉ đạo của Chính phủ.

Đối với việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành tại doanh nghiệp nhà nước, UBND Tỉnh đã ban hành Quyết định số 1250/QĐ-UBND-HC ngày 10/12/2014 về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Đồng Tháp đến năm 2020. Theo đó, Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Đồng Tháp sẽ thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành tại Công ty Cổ phần Sao Mai²⁰.

c) Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở tỉnh.

Từ năm 2011 đến tháng 6 năm 2018, tỉnh Đồng Tháp có 02 đơn vị khoa học và công nghệ, gồm: Trung tâm Kỹ thuật thí nghiệm và ứng dụng khoa học và công nghệ; Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Đến tháng 6 năm 2018, UBND Tỉnh hợp nhất 02 đơn vị trên thành Trung tâm Kiểm định, kiểm nghiệm và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP. Trung tâm Kiểm định, kiểm nghiệm đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

¹⁹ Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp - Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần cấp ngày 10/11/2016, tỷ lệ vốn nhà nước hiện tại là 92,50%; Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp - Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần cấp ngày 25/4/2017, tỷ lệ vốn nhà nước hiện tại là 85,60%; Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp - Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần cấp ngày 09/11/2018, tỷ lệ vốn nhà nước hiện tại là 98,60%.

²⁰ UBND Tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện các thủ tục để xử lý tài sản là quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã thu hồi theo Quyết định số 602/QĐ-UBND-HC ngày 19/6/2019 của UBND Tỉnh về việc thu hồi cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước của Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Đồng Tháp quản lý, trước khi thực hiện đấu giá thoái vốn theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018.

d) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh

Thực hiện phân bổ định mức ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị quyết 70/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN cho các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể cấp tỉnh và huyện thị, xã, thành phố, xã, phường, thị trấn từ năm 2017. Theo đó, từng đơn vị được bố trí tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, trên cơ sở bảng lương tại thời điểm giao kinh phí, đối với biên chế chưa có mặt được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương hiện hành; kinh phí hoạt động theo biên chế được giao nhân với định mức tại Nghị quyết 70/2016/NQ-HĐND.

đ) Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao, trong những năm qua, các thành phần kinh tế ngày càng phát triển đã xây dựng trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, 03 trường tiểu học, hàng chục trường, lớp mầm non tư thục, điểm giữ trẻ dân lập; 05 bệnh viện hoạt động theo công ty cổ phần, các phòng khám, hàng trăm hiệu thuốc, khu vui chơi, thể thao đầu tư ngày càng nhiều... đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân về các mặt xã hội.

e) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước

+ Đối với cấp tỉnh: Có 34 cơ quan hành chính cấp tỉnh thực hiện tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP (trong đó có 08 đơn vị trực thuộc sở và 05 đơn vị đoàn thể). Các đơn vị chủ động thực hiện tiết kiệm chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức;

+ Đối với cấp huyện: Có 195 đơn vị quản lý hành chính và đoàn thể cấp huyện thực hiện giao quyền tự chủ theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, trong 195 đơn vị, có 160 đơn vị thực hiện tiết kiệm, thu nhập tăng thêm;

+ Đối với cấp xã: Việc khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cấp xã thực hiện theo Nghị quyết 70/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết 201/2018/NQ-HĐND. Theo đó, chi quản lý hành chính cấp xã được phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí định biên. Có 144/144 xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Có 134/143 xã thực hiện được tiết kiệm, thu nhập tăng thêm.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Theo đó, đến cuối năm 2019, cấp tỉnh có 125 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện giao quyền tự chủ. Trong 125 đơn vị, có 04 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 21 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, 40 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 60 đơn vị do NSNN đảm bảo chi thường xuyên. Cấp huyện có 677 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện giao quyền tự chủ, trong đó, có 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 23 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, 12 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 641 đơn vị do NSNN đảm bảo chi thường xuyên;

+ UBND Tỉnh đã thực hiện việc triển khai giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị đã mang lại một số kết quả tích cực. Các đơn vị đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí NSNN giao để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; đồng thời, chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, từ đó phát triển nguồn thu;

+ Nguồn thu của các đơn vị cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên NSNN giao, đã góp phần bảo đảm bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ. Nhờ tăng cường khai thác nguồn thu, tiết kiệm chi và thực hiện cơ chế tự chủ, thu nhập và đời sống của người lao động trong các đơn vị từng bước được nâng lên. Trong đó, thu nhập tăng thêm của CBCCVC bình quân khoảng từ 0,01 đến 2,26 lần tiền lương, ngạch, bậc của đơn vị.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc thực thi các nội dung mới của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ vẫn chậm so với tiến độ và lộ trình đặt ra; chế độ kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC hướng dẫn hạch toán theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP nên khó khăn trong việc hạch toán tiền lương tăng thêm, trích lập các quỹ, lập báo cáo tài chính; hệ thống các tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật chưa ban hành kịp thời, đồng bộ, chậm sửa đổi nên địa phương chưa có cơ sở xây dựng để áp dụng, do đó đã làm hạn chế tính tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các đơn vị sự nghiệp tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên và đầu tư vẫn phải trích nguồn cải cách tiền lương làm cho việc chi tăng thu nhập của người lao động chưa cao, chưa khuyến khích các đơn vị có đủ điều kiện phấn đấu tự chủ mức độ cao hơn;

- Kinh phí NSNN được phân bổ theo định mức chung, chưa gắn kết giữa giao nhiệm vụ cho đơn vị theo số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công tương ứng với giao kinh phí;

- Các đơn vị chưa chủ động tham mưu UBND Tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trong từng lĩnh vực;

- Nhận thức của đơn vị về đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước.

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch UDCNTT

- UBND Tỉnh đã ban hành Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch UDCNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch UDCNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2013 - 2015; Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch UDCNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước hàng năm;

- Trục liên thông của Tỉnh được triển khai tại gói thầu số 07 của dự án Xây dựng hệ thống thông tin chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp và hoàn thành vào giữa năm 2019. Bên cạnh đó, triển khai một số cơ sở dữ liệu dùng chung cơ bản, cơ sở dữ liệu nền địa lý (GIS) dùng chung, dịch vụ đăng nhập một lần (SSO);

- Hiện tại, Tỉnh đang chuẩn hoá tài khoản CBCCVN (trên LDAP) tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu, thực hiện tích hợp đăng nhập một lần đối với các phần mềm dùng chung: Hệ thống thông tin một điện tử, Cổng Dịch vụ công, phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; dữ liệu nền địa lý dùng chung; chức năng quản trị, biên tập, xuất bản bài viết tại Cổng/Trang thông tin điện tử dự kiến hoàn thành trong Quý 3 năm 2020. Tiếp tới, điều chỉnh hoàn thiện các giao thức (API) nhằm tích hợp các phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của các ngành giáo dục, y tế, nội vụ... từng bước xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp;

- Hoàn thành tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia xác thực SSO; xác thực qua hệ thống VN Connect; dịch vụ tích hợp hồ sơ một cửa phục vụ tra cứu hồ sơ tiếp nhận tại Cổng Dịch vụ công Tỉnh trên chức năng tra cứu hồ sơ của tỉnh tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tích hợp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại, cấp đổi giấy phép lái xe; công khai đối với một số TTHC ưu tiên theo Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và lựa chọn những thủ tục phát sinh nhiều hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công của Tỉnh để công khai. Đồng thời, đang thực hiện tích hợp thanh toán trực tuyến với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, dự kiến hoàn thành trước 30/6/2020. Giai đoạn tới tiếp tục thực hiện khai báo đối với một số dịch vụ công mức 3, 4 của tỉnh để niêm yết, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

b) Kết quả đạt được trong UDCNTT tại Tỉnh

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh:

+ Đến nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có 177 cơ quan, đơn vị, địa phương kết nối hệ thống mạng nội bộ của tỉnh (WAN) để vận hành một số hệ thống thông

tin, phần mềm dùng chung ổn định hơn, tiến tới triển khai phía người dùng là cán bộ, công chức trên hệ thống mạng nội bộ nhằm đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. 100% cơ quan, đơn vị, địa phương có triển khai hệ thống mạng nội bộ (LAN). Số đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (CPNET) là 31 đơn vị, địa phương tích hợp, liên thông văn bản đi/đến trên môi trường mạng đảm bảo an toàn;

+ Cung cấp hơn khoảng 1.200 chứng thư số chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân và hơn 100 sim ký số cho lãnh đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phục vụ cho ký số hồ sơ TTHC, đảm bảo cung cấp đầy đủ chứng thư số cho các cơ quan nhà nước và thủ trưởng các đơn vị ký số văn bản chỉ đạo, điều hành được đầy đủ 2 lớp đúng theo quy định tại Nghị định số 30/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.

- Về UDCNTT trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh

+ Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành từ mô hình phân tán sang mô hình tập trung được cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, triển khai đồng loạt cho các sở, ban, ngành tỉnh, UBND 12 huyện, thị xã, thành phố và UBND 143 xã, phường, thị trấn. Việc nâng cấp hệ thống nhằm đảm bảo khả năng đồng bộ, liên thông văn bản đi/đến giữa tỉnh và với các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đáp ứng các quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/4/2016 và Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 01/2019/TT-BNV và Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ (thay thế cho phần mềm eOffice đã đầu tư trước đó, phần mềm đóng gói, mô hình phân tán, nhà thầu không phát triển, nâng cấp phần mềm đáp ứng các quy định hiện hành);

+ Hệ thống thư điện tử tỉnh Đồng Tháp đã được triển khai, cấu hình lọc thư rác, đã cung cấp hơn 12.000 hộp thư cung cấp cho CBCCVC phục vụ việc gửi nhận các thông tin trong quá trình phục vụ công vụ. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng thường xuyên chỉ đạt khoảng 30%, CBCCVC vẫn còn sử dụng thư điện tử miễn phí để gửi, nhận.

- Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng: Hiện tại, tỉnh Đồng Tháp đã chuyển đổi xử lý hồ sơ công việc từ phần mềm eOffice sang phần mềm quản lý văn bản iDesk. Tính đến thời điểm hiện tại, 100% cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn Tỉnh đều xử lý công việc trên môi trường mạng.

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử.

+ Cổng dịch vụ công tỉnh Đồng Tháp cung cấp hơn 600 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (dưới dạng đính kèm file). Bên cạnh đó, triển khai 480 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có cung cấp biểu mẫu điện tử, phần mềm xử lý nghiệp vụ chuyên ngành đảm bảo đạt chỉ tiêu đến năm 2020 cung cấp ít nhất 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của Nghị quyết số 17/NQ-CP. Từ năm 2017 đến nay, hệ thống tiếp nhận và giải quyết được 24.979 hồ sơ trực tuyến (có 142 đơn vị, địa phương có phát sinh hồ sơ trực tuyến), có gần 16.000 tài khoản công dân, doanh nghiệp điện tử đăng ký sử dụng dịch vụ. Hoàn thành tích hợp đăng

nhập một lần SSO, gắn chức năng đăng nhập, xác thực tài khoản từ Công Dịch vụ công quốc gia, đồng bộ hồ sơ tra cứu, công khai dịch vụ công mức 3, 4 của tỉnh trên Công Dịch vụ công Quốc gia;

+ Hệ thống thông tin một cửa điện tử được triển khai phần mềm dùng chung từ năm 2017 cho 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (203 đơn vị, địa phương của cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã). Tính đến tháng 5/2020, hệ thống đã tiếp nhận và giải quyết 1.625.591 hồ sơ (bao gồm trực tuyến và trực tiếp), tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn, sớm hạn là 97%. Bên cạnh đó, hình thành được hơn 560.000 thông tin công dân, doanh nghiệp, tổ chức cho CSDL dùng chung trên địa bàn tỉnh, góp phần phục vụ cho phát triển chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp.

c) Tình hình triển khai Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh

UBND Tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015-2017 và giai đoạn 2018 - 2020; Kế hoạch chuyển đổi HTQLCL từ TCVN ISO 9001:2008 sang TCVN ISO 9001:2015 đối với các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đồng Tháp. Tính đến tháng 5/2020, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có 187 cơ quan, đơn vị, địa phương đã công bố HTQLCL của đơn vị phù hợp TCVN ISO 9001, trong đó, có 79 cơ quan đã chuyển đổi sang TCVN ISO 9001:2015.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin chưa được quan tâm đúng mức; việc ứng dụng phần mềm một cửa điện tử chưa đồng nhất giữa các Bộ, Ngành Trung ương với địa phương, còn phát sinh nhiều lỗi, nhất là khi chuyển đổi, nâng cấp phần mềm;

- Năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về công nghệ thông tin của tỉnh, huyện chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; một số chương trình, dự án công nghệ thông tin còn chậm so với kế hoạch;

- Lãnh đạo, công chức một số địa phương, đơn vị chưa quyết tâm UDCNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước nên quá trình xử lý công việc trên môi trường mạng còn hạn chế; đa số người dân, doanh nghiệp ít tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến;

- Một số cơ quan hành chính nhà nước chưa thực hiện tốt việc duy trì HTQLCL theo TCVN ISO 9001 sau khi được cấp giấy chứng nhận hoặc đã công bố phù hợp; lãnh đạo một số đơn vị chưa thật sự quan tâm, phân công công việc cho cán bộ, công chức trong hệ thống cùng tham gia, nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của hoạt động duy trì.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Trong 10 năm qua, các ngành, các cấp đã có nhiều nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ CCHC, các cơ chế, chính sách do Trung ương, Tỉnh ban hành, những mô hình mới ra đời với những kết quả khả quan. Cụ thể:

- Về cải cách thể chế: Hệ thống VBQPPL thuộc thẩm quyền của địa phương ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, thu hút lao động, giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách bảo đảm thực hiện có hiệu quả;

- Cải cách TTHC: Thông qua công tác rà soát, đánh giá và thực hiện về đơn giản hóa TTHC đã phát hiện nhiều bất hợp lý trong quy định từng thành phần hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết TTHC; kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC đã góp phần đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, góp phần cắt giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia thực hiện TTHC, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi, thúc đẩy tăng trưởng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; những mô hình hay, cách làm mới trong giải quyết TTHC đã mang lại sự hài lòng cao từ phía người dân và doanh nghiệp;

- Cải cách tổ chức bộ máy: Bộ máy được tinh gọn, bước đầu khắc phục đáng kể tình trạng bỏ trống hoặc chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đảm bảo tính thống nhất, thông suốt. Việc phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm quản lý về tổ chức giữa UBND Tỉnh với sở, người đứng đầu cơ quan theo phương châm: quản lý thống nhất, phân cấp tối đa, bảo đảm cấp nào quản lý cán bộ, công chức thì cấp đó quyết định bổ nhiệm, cách chức để gắn thẩm quyền với trách nhiệm;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN: Việc thi tuyển công chức, thi nâng ngạch công chức theo nguyên tắc cạnh tranh được thực hiện công khai, minh bạch; đổi mới công tác bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý qua thi tuyển cạnh tranh tạo dư luận xã hội tốt, bước đầu lựa chọn được những CBCCVN thật sự có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Cải cách tài chính công: Thực hiện cơ chế khoán kinh phí hoạt động dựa trên chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị; từng cơ quan, đơn vị đã chủ động hơn trong việc sử dụng biên chế, kinh phí tự chủ được giao, nâng cao vai trò quản lý trong sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả;

- Hiện đại hóa hành chính: Việc UDCNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện đồng bộ, thống nhất. Quy trình xử lý công việc ngày một rút ngắn thời gian, giúp quản lý, theo dõi công việc được khoa học, chặt chẽ. Phần mềm một cửa điện tử được áp dụng tại 100% cơ quan ở 03 cấp chính quyền, liên thông kết nối dữ liệu tập trung. Khung kiến trúc chính quyền điện tử được xây dựng và ngày càng hoàn thiện.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Sự chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các ngành, các cấp một số nơi chưa thật sự quyết liệt, sâu sát; còn ỷ lại trông chờ Tỉnh hướng dẫn, chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền đã giao; một bộ phận CBCCVV chưa am hiểu về CCHC, chưa vào cuộc thực hiện một cách chủ động, sáng tạo làm ảnh hưởng đến kết quả chung của Tỉnh;

- Một số nhiệm vụ, mục tiêu đề ra nhưng kết quả đạt được vẫn còn hạn chế như về TTTC vẫn còn rườm rà, phức tạp chưa rà soát, kiến nghị đơn giản hóa đạt yêu cầu; một số công chức thiếu trách nhiệm trong giải quyết TTTC, ảnh hưởng thời gian giải quyết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp;

- Việc cập nhật thay đổi vị trí việc làm còn chậm so với thay đổi chức năng, nhiệm vụ, nhân sự, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong bố trí sắp xếp CBCCVV; tinh giản biên chế chưa đạt lộ trình và tỷ lệ đề ra; việc sắp xếp tổ chức bộ máy còn lúng túng do chưa có quy định của pháp luật cho các loại hình tổ chức mới;

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ CBCCVV chưa phù hợp với vị trí công tác, chưa đáp ứng nhu cầu công việc và xu hướng phát triển của nền hành chính;

- Việc UDCNTT vẫn chưa đạt yêu cầu như mong muốn, cần phải nâng cấp, hiệu chỉnh, nhiều lỗi phát sinh; cung ứng dịch vụ công trực tuyến chưa hiệu quả qua việc tỷ lệ phát sinh hồ sơ còn thấp, chưa tương xứng với sự đầu tư.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC

- Sự quan tâm, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các ngành, các cấp là rất quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại trong thực hiện nhiệm vụ CCHC chung của Tỉnh;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVV vừa hồng, vừa chuyên, ý thức cao, trách nhiệm trong công việc, am hiểu sâu về CCHC; mạnh dạn đổi mới cách nghĩ, cách làm, phải thật sự xem người dân là khách hàng để phục vụ tốt hơn;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các ngành, các cấp, kịp thời có chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém; quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ;

- Có sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp trong thực thi nhiệm vụ, báo cáo kết quả, phản ánh, kiến nghị để giải quyết tốt các vấn đề phát sinh;

- củng cố, tăng cường năng lực, giữ ổn định đội ngũ công chức chuyên trách CCHC ở các ngành, các cấp để thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất về CCHC.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu CCHC và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND Tỉnh đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ CCHC trọng tâm, cần thiết triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030:

1. Về thể chế hành chính

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống VBQPPL của tỉnh đảm bảo đồng bộ, kịp thời, có tính khả thi cao, phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương;

b) Chú trọng xây dựng các thể chế về hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, cần ưu tiên nguồn lực thực hiện để tạo sự lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Về thủ tục hành chính

a) TTHC được ban hành đồng bộ, thống nhất giữa các lĩnh vực, tránh chồng chéo các yêu cầu thực hiện TTHC, có tính ổn định cao;

b) Hướng đến đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau; thực hiện đồng bộ các TTHC trên các lĩnh vực trong thực hiện cơ chế một cửa liên thông; các ngành, các cấp thực hiện liên thông giải quyết TTHC một cách thông suốt, trên cơ sở quy định chung, thống nhất; UDCNTT một cách đồng bộ, thông suốt từ Trung ương đến địa phương;

c) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính thông qua ban hành Quy định về xử lý những trường hợp để xảy ra tình trạng nhiều hồ sơ bị trễ hẹn, quá hạn, CBCCVC gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp;

d) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Nghiên cứu mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước phù hợp với thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ; phân định rõ tính chất quản lý nhà nước của cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan Đảng;

b) Đẩy mạnh phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, nhất là về tổ chức bộ máy, quản lý CBCCVC;

c) Rà soát, phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp, tiến đến hoàn thiện mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của đơn vị;

d) Hạn chế thành lập các Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Hội, chỉ thành lập khi thật sự cần thiết.

4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC

a) Cải cách chế độ công vụ, công chức theo hướng tăng cường kỷ luật nghiêm minh với CBCCVC sai phạm trong thực thi công vụ; đưa ra khỏi bộ máy CBCCVC không làm được việc; ban hành chế độ, chính sách phù hợp, gắn liền thực hiện nghiêm kỷ cương hành chính;

b) Xác định cơ cấu cán bộ, công chức, xây dựng vị trí việc làm theo tiêu chuẩn nghiệp vụ của CBCCVC, kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý để làm cơ sở xác định biên chế, tuyển dụng và quy hoạch đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức;

c) Hoàn thiện quy định của pháp luật về tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực, sở trường của công chức, viên chức trúng tuyển; thực hiện chế độ thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh; thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp vụ trưởng và tương đương (ở trung ương), giám đốc sở và tương đương (ở địa phương) trở xuống;

d) Đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC gắn liền với rà soát, đánh giá, xây dựng quy hoạch cán bộ nhằm từng bước hoàn thiện tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý trước khi đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC từ Tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội;

đ) UDCNTT trong công tác đánh giá CBCCVC cấp tỉnh, huyện, xã dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu của vị trí việc làm với những tiêu chí đánh giá cụ thể, đúng quy định của Chính phủ;

g) Nghiên cứu xây dựng và thực hiện thí điểm quy chế kiểm tra, sát hạch kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã nhằm làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, sắp xếp, bố trí công chức, viên chức đúng năng lực, chuyên môn và thực hiện các chế độ, chính sách khác.

5. Về tài chính công

a) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước, theo hướng cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước;

b) Tiếp tục thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính ở tất cả cơ quan hành chính các cấp và ở tất cả các xã, phường, thị trấn;

c) Đẩy mạnh xã hội hóa một số loại dịch vụ công như: vệ sinh công cộng, vệ sinh đô thị, cấp, thoát nước, cây xanh, công viên, ánh sáng... Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công lĩnh vực y tế, giáo dục;

d) Thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch về tài chính công.

6. Về hiện đại hóa hành chính

a) Gắn kết chặt chẽ giữa UDCNTT với các nhiệm vụ CCHC nhằm thúc đẩy thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC; UDCNTT một cách hiệu quả, toàn diện và có sự kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi dữ liệu, tính tích hợp cao nhằm tránh lãng phí khi phải đầu tư nhiều phần mềm; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4, dịch vụ tiếp nhận và trả hồ sơ qua đường Bưu chính công ích;

b) UDCNTT đồng bộ, thống nhất trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, nhất là vào các quy trình nội bộ để kiểm soát công việc của từng cơ quan, địa phương, địa phương;

c) Hoàn chỉnh Hệ thống thông tin một cửa điện tử và Công Dịch vụ công đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân; thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính; duy trì cung cấp các hình thức tra cứu tình hình giải quyết thủ tục hành chính qua các kênh và khảo sát trực tuyến sự hài lòng của người dân;

d) Từng bước đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở các cơ quan hành chính, nhất là ở cấp xã, đảm bảo có đủ diện tích làm việc, phương tiện, trang thiết bị hiện đại cần thiết nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước và phục vụ tốt Nhân dân, doanh nghiệp.

Phần thứ ba **NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương sớm ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; tiếp tục nghiên cứu, hướng dẫn các địa phương trong việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của chính quyền đô thị với chính quyền nông thôn;

2. Các Bộ, Ngành Trung ương sớm ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực và danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN để các địa phương làm căn cứ triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương;

3. Trung ương cần có hướng dẫn cụ thể và quy định khung mô hình chuẩn về phần mềm một cửa điện tử để áp dụng, triển khai thống nhất trong cả nước để Tỉnh chủ động trong thực hiện;

4. Các Bộ, Ngành Trung ương sớm ban hành các quy định thống nhất về các TTHC thực hiện liên thông trên các lĩnh vực và sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về chế độ, chính sách đối với CBCCVC làm việc tại Bộ phận một cửa.

Trên đây là một số kết quả thực hiện CCHC (*kèm theo các phụ lục số liệu kết quả cụ thể của từng nhiệm vụ CCHC*), những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân chủ yếu, bài học kinh nghiệm trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và đề xuất, kiến nghị về thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, UBND tỉnh Đồng Tháp kính báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- BCĐ.CCHC của CP;
- Bộ Nội vụ; VP.CP (I, II);
- TT/TU; TT/HĐND Tỉnh;
- CT & PCT. UBND Tỉnh;
- Các cơ quan, ban Đảng Tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể Tỉnh;
- Các sở, cơ quan ngang sở;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, SNV (02 bản), T (KSTTHC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dương